

Phụ lục 1.

**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA II QUẢN LÝ Y TẾ TẠI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI**

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CK 62 72 76 05	Sau đại học	Quản lý Y tế	Lãnh đạo và Quản lý	Thực hành kỹ năng điều hành, lập kế hoạch chiến lược y tế và ra quyết định quản lý tại cơ sở khám chữa bệnh.	Ban Giám đốc	03	15	0	0	0	15
2	CK 62 72 76 05	Sau đại học	Quản lý Y tế	Đánh giá tác động Môi trường và Sức khỏe	Hiểu các báo cáo, số liệu, đánh giá rủi ro môi trường y tế, quản lý chất thải bệnh viện và kiểm soát nhiễm khuẩn.	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; Phòng Hành chính Quản trị	06	30	0	0	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	CK 62 72 76 05	Sau đại học	Quản lý Y tế	Quản lý các chương trình và dự án Y tế	Lập hồ sơ, theo dõi, giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện các dự án/chương trình y tế đang triển khai tại bệnh viện.	Phòng Kế hoạch tổng hợp	06	30	0	0	0	30
4	CK 62 72 76 05	Sau đại học	Quản lý Y tế	Quản lý việc thực hiện chính sách y tế	Giám sát việc tuân thủ các quy chế chuyên môn, chính sách BHYT và các văn bản pháp luật y tế hiện hành.	Phòng Kế hoạch tổng hợp	06	30	0	0	0	30
5	CK 62 72 76 05	Sau đại học	Quản lý Y tế	Quản lý các nguồn lực Y tế	Thực hành quản lý nhân lực y tế, tổ chức cán bộ, quản lý tài chính kế toán và vật tư trang thiết bị y tế.	Vật tư y tế, Tài chính kế toán, Hành chính quản trị, Tổ chức cán bộ	06	30	0	0	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
6	CK 62 72 76 05	Sau đại học	Quản lý Y tế	Đánh giá các hoạt động Y tế	Thu thập, phân tích các chỉ số hoạt động bệnh viện, ứng dụng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện.	Quản lý chất lượng, Kế hoạch tổng hợp	06	30	0	0	0	30
7	CK 62 72 76 05	Sau đại học	Quản lý Y tế	Quản lý sức khỏe người cao tuổi	Lập kế hoạch quản lý bệnh mạn tính, quy trình theo dõi và mô hình chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.	Tim mạch can thiệp - lão khoa	03	15	0	234	0	15
8	CK 62 72 76 05	Sau đại học	Quản lý Y tế	Quản lý dinh dưỡng tiết chế tại Bệnh viện và cộng đồng	Đánh giá tình trạng, giám sát, theo dõi dinh dưỡng bệnh nhân, giám sát quy trình chế biến và lập kế hoạch quản lý	Khoa dinh dưỡng	01	05	0	0	0	05

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					suất ăn bệnh lý.							

Phụ lục 2.
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA II QUẢN LÝ Y TẾ

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành
	2	3	4	7	8	9	10
1	Lê Văn Thiệu	BSCKII	Quản lý Y tế	Trên 3 năm	- Lãnh đạo và Quản lý - Đánh giá tác động Môi trường và Sức khỏe - Quản lý các chương trình và dự án Y tế - Quản lý việc thực hiện chính sách y tế	- Thực hành kỹ năng điều hành, lập kế hoạch chiến lược y tế và ra quyết định quản lý tại cơ sở khám chữa bệnh. - Hiểu các báo cáo, số liệu, đánh giá rủi ro môi trường y tế, quản lý chất thải bệnh viện và kiểm soát nhiễm khuẩn. - Lập hồ sơ, theo dõi, giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện các dự án/chương trình y tế đang triển khai tại bệnh viện. - Giám sát việc tuân thủ các quy chế chuyên môn, chính sách BHYT và các văn bản pháp luật y tế hiện hành.	Ban Giám đốc / Các phòng chức năng/ KSNK
2	Nguyễn Thái Hưng	Ths.BSC KII	Quản lý Y tế	Trên 3 năm	- Quản lý các nguồn lực Y tế -Đánh giá các hoạt động Y tế - Quản lý sức khỏe người cao tuổi - Quản lý dinh dưỡng tiết chế tại Bệnh viện và cộng đồng	- Hiệu các báo cáo, số liệu, đánh giá rủi ro môi trường y tế, quản lý chất thải bệnh viện và kiểm soát nhiễm khuẩn. - Lập hồ sơ, theo dõi, giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện các dự án/chương trình y tế đang triển khai tại bệnh viện. - Giám sát việc tuân thủ các quy chế chuyên môn, chính sách BHYT và các văn bản pháp luật y tế hiện hành.	Ban Giám đốc / Các phòng chức năng/ Khoa Tim mạch can thiệp – Lão khoa/KSNK
3	Huỳnh Thị Thuận	Ths.BSC KII	Quản lý Y tế	Trên 3 năm	- Quản lý các nguồn lực Y tế -Đánh giá các hoạt động Y tế - Quản lý sức khỏe người cao tuổi - Quản lý dinh dưỡng tiết chế tại Bệnh viện và cộng đồng	- Giám sát việc tuân thủ các quy chế chuyên môn, chính sách BHYT và các văn bản pháp luật y tế hiện hành. - Thực hành quản lý nhân lực y tế, tổ chức	Ban Giám đốc / Các phòng chức năng/ Khoa Dinh dưỡng/KSNK
4	Trần Khắc Vĩnh	Ths.BSC KII	Quản lý Y tế	Trên 3 năm	- Quản lý dinh dưỡng tiết chế tại Bệnh viện và cộng đồng	- Thực hành quản lý nhân lực y tế, tổ chức	Các phòng chức năng/ Khoa Dinh dưỡng/Tim

						cán bộ, quản lý tài chính kế toán và vật tư trang thiết bị y tế.	mạch can thiệp – Lão Khoa/KSNK
5	Bùi Văn Mẫu	BSCKII	Quản lý Y tế	Trên 3 năm		- Thu thập, phân tích các chỉ số hoạt động bệnh viện, ứng dụng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện. - Lập kế hoạch quản lý bệnh mạn tính, quy trình theo dõi và mô hình chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.	Các phòng chức năng/ Khoa Dinh dưỡng/Tim mạch can thiệp – Lão Khoa/KSNK
6	Bùi Anh Văn	BSCKII	Quản lý Y tế	Trên 3 năm		- Đánh giá tình trạng, giám sát, theo dõi dinh dưỡng bệnh nhân, giám sát quy trình chế biến và lập kế hoạch quản lý suất ăn bệnh lý.	Các phòng chức năng/ Khoa KSNK

Phụ lục 3.

BẢN KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi
2. Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại: 0255.3827.899 Số Fax: 0255.3823.070
Email: bvdkqn-syt@quangngai.gov.vn
3. Quy mô: **950 giường bệnh kế hoạch.**

II. TỔ CHỨC

1. **Hình thức tổ chức:** Bệnh viện đa khoa.
2. **Cơ cấu tổ chức:**

Căn cứ theo Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

- a. Lãnh đạo Bệnh viện: gồm có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.
- b. Các phòng chức năng:
 - Phòng tổ chức cán bộ.
 - Phòng Kế hoạch - Tổng hợp.
 - Phòng Tài chính - Kế toán.
 - Phòng Hành chính - Quản trị.
 - Phòng Vật tư - Thiết bị y tế.
 - Phòng Điều dưỡng.
 - Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện.
 - Phòng Công tác xã hội.
- c. Các khoa, đội chuyên môn:
 - Khoa Khám bệnh.
 - Khoa Cấp cứu.
 - Khoa Hồi sức tích cực – Chống độc.
 - Khoa Nội tổng hợp.

- Khoa Nội tiêu hóa.
- Khoa Nội tim mạch.
- Khoa Tim mạch can thiệp – Lão khoa
- Khoa Nội thần kinh.
- Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu.
- Khoa Bệnh nhiệt đới.
- Khoa Thận nhân tạo.
- Khoa Ngoại tổng hợp.
- Khoa Ngoại tiêu hóa.
- Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình – Bỏng.
- Khoa Ngoại thần kinh.
- Khoa Gây mê hồi sức.
- Khoa Răng Hàm Mặt
- Khoa Tai Mũi Họng.
- Khoa Mắt.
- Khoa Da liễu.
- Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng.
- Khoa Ung bướu.
- Khoa Dược.
- Khoa Huyết học.
- Khoa Vi sinh.
- Khoa Hóa sinh.
- Khoa Chẩn đoán hình ảnh.
- Khoa Giải phẫu bệnh.
- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Khoa dinh dưỡng.
- Đội cấp cứu 115.

III. GIƯỜNG BỆNH TẠI CÁC KHOA LÂM SÀNG

TT	Khoa	Giường kế hoạch	Ghi chú
1	Cấp cứu	5	
2	Hồi sức tích cực – Chống độc	56	
3	Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu	48	
4	Gây mê hồi sức	20	
5	Ngoại Tiêu hóa	48	
6	Ngoại Tổng hợp	46	
7	Ngoại Chấn thương chỉnh hình – Bỏng	81	
8	Ngoại Thần kinh	35	
9	Nội Tim mạch	125	
10	Tim mạch can thiệp – Lão khoa	73	
11	Nội Tổng hợp	143	
12	Nội Tiêu hóa	68	
13	Nội Thần kinh	55	
14	Bệnh nhiệt đới	52	
15	Ung Bướu	34	
16	Da liễu	10	
17	Tai – Mũi – Họng	20	
18	Răng – Hàm Mặt	16	
19	Mắt	15	
Tổng		950	

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Tổng diện tích sàn: **73.922m²**, được sắp xếp phân bố như sau:

TT	Tên hạng mục	Cấp hạng	Số tầng	Năm sử dụng	Diện tích Xd (m ²)	DT sàn (m ²)*
1	Đơn nguyên 1 (khu khám bệnh)	1	3	2009	1.992	5.976
2	Đơn nguyên 2 (khu nội trú)	1	8	2009	2.551	20.414
3	Đơn nguyên 3 (khu hành chánh)	1	3	2009	1.787	5.363
4	Khoa bệnh Nhiệt đới	3	2	2009	941	1883
5	Khoa thận, xét nghiệm , XQuang	3	3	2015	283	851
6	Nhà xe bệnh nhân	4	1	2009	1011	1011
7	Khu nhà 5 tầng (khu điều trị cán bộ trung cao, kỹ thuật cao...)	4	1	2023	1380	7.759
8	Các hạng mục khác (nhà kho, ga ra ô tô, bể chứa nước, trạm biến áp, khu xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng, sân vườn hoa, vỉa hè, đường giao thông nội bộ..)	4		2009	30.665	30.665

2. Diện tích sàn xây dựng trung bình cho 01 giường bệnh (đối với bệnh viện): 77,8m²/giường

3. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh: 20m²/phòng.

4. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

a) Xử lý nước thải: Hợp đồng thuê công ty môi trường xử lý, khối lượng mỗi tháng 85 m³.

b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt: Hợp đồng thuê Ban QL Các DA hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện - Sở y tế Quảng Ngãi; khối lượng mỗi tháng 5.051 Kg.

5. An toàn bức xạ: đảm bảo tiêu chuẩn an toàn bức xạ theo quy định hiện hành.

6. Hệ thống phụ trợ:

a) Phòng cháy chữa cháy: Có 03 hệ thống.

b) Khí y tế.

c) Máy phát điện: Có 01 máy , Công suất 1000 KVA.

d) Thông tin liên lạc: Hệ thống điện thoại nội bộ, điện thoại liên lạc, đường dây nóng. Hệ thống công nghệ thông tin, máy tính toàn Bệnh viện.

7. Diện tích cụ thể từng khoa tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên hạng mục	Cấp hạng	Số tầng	Năm sử dụng	Diện tích Xd (m ²)	DT sàn (m ²)
1	Khối nhà Đơn nguyên 1	1	3	2009	1.992	5.976
2	Khối nhà Đơn nguyên 2	1	8	2009	2.551	20.414
3	Khối nhà Đơn nguyên 3	1	3	2009	1.787	5.363
4	Khối nhà Khoa bệnh Nhiệt đới	3	2	2009	941	1883
5	Khối nhà Khoa Thận nhân tạo, Hóa sinh , Chẩn đoán hình ảnh	3	3	2015	283	851
6	Nhà xe bệnh nhân	4	1	2009	1011	1011
7	Khối nhà 5 tầng (khu điều trị cán bộ trung cao, kỹ thuật cao...)	4	1	2023	1380	7.759
8	Các hạng mục phụ trợ khác (nhà kho, ga ra ô tô, bể chứa nước, trạm biến áp, khu xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng, cây xanh, vườn hoa, vỉa hè, đường giao thông nội bộ...)	4		2099	30.665	30.665

- Diện tích sàn Đơn nguyên 1 (nhà 3 tầng) gồm:

+ Khu khám bệnh: 1.494 m²

+ Khoa Huyết học: 498 m²

+ Khoa Chẩn đoán hình ảnh: 1.494 m²

+ Khoa Thận nhân tạo: 1.494 m²

+ Khoa Hóa sinh: 498 m²

+ Khoa Vi sinh: 498 m²

- Diện tích sàn Đơn nguyên 2 (nhà 8 tầng) gồm:

+ Khoa Nội tiêu hóa: 2.370 m²

+ Khoa Nội tim mạch: 2.370 m²

+ Khoa Nội tổng hợp: 2.370 m²

+ Khoa Nội thần kinh: 790 m²

+ Khoa Răng Hàm Mặt: 790 m²

+ Khoa Tai Mũi Họng: 790 m²

+ Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình – Bỏng : 1870 m²

+ Khoa Da liễu: 500 m²

+ Khoa Gây mê hồi sức: 1590 m²

+ Khoa Ngoại tiêu hóa 1275 m²

+ Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc: 950 m²

+ Khoa Ngoại thần kinh: 1275 m²

+ Khoa Ung bướu: 890 m²

+ Khoa Mắt: 690 m²

+ Khoa Phục hồi chức năng: 1605 m²

+ Khoa KSNK: 250 m²

+ Khoa Chẩn đoán hình ảnh: 700 m²

+ Khoa GPB: 300 m²

- Diện tích sàn Đơn Nguyên 3 (nhà 3 tầng) gồm:

+ Khu hành chính: 1.500 m² (gồm Ban Giám đốc, 8 phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Tài chính kế toán,

Điều dưỡng, Hành chính quản trị, Vật tư thiết bị y tế, Tổ chức cán bộ, Công tác xã hội, Quản lý chất lượng, hội trường).

+ Khoa Tim mạch can thiệp - Lão khoa: 1463 m²

+ Khoa Ngoại tổng hợp: 700 m²

+ Khoa Ngoại tiêu hóa: 700 m²

+ Khoa Dược: 700 m²

+ Đơn vị Can thiệp tim mạch: 300 m²

- **Diện tích sàn khối nhà khoa Bệnh nhiệt đới (nhà 2 tầng): 1.883 m²**

- **Diện tích sàn Khoa Thận nhân tạo, Hóa sinh, Chẩn đoán hình ảnh gồm:**

+ Khoa Thận nhân tạo: 283 m²

+ Khoa Hóa sinh: 283 m²

+ Chẩn đoán hình ảnh: 283 m²

- **Diện tích sàn khối Nhà 5 tầng (khu điều trị cán bộ trung cao, kỹ thuật cao, điều trị theo yêu cầu) gồm:**

+ Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, nhà để xe: 1.293 m²

+ Khoa Dinh dưỡng, Căng tin: 1.293 m²

+ Khu Khám bệnh: 1.293 m²

+ Khoa Gây mê hồi sức: 1293 m²

+ Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu: 2586 m²